TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2019/LĐ-ST Ngày 29 - 11- 2019 V/v tranh chấp đòi tiền trong quan hệ lao động.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đồng Thị Thường

Bà Trần Thị Thúy

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 về " Tranh chấp đòi tiền tạm ứng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST- DS ngày 21 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Q; địa chỉ trụ sở: Số 1-3 Nguyễn T, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Lan C, sinh năm 1961, nơi cư trú: 1135/34/15 phường H, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, chức vụ: Thư ký Tổng giám đốc *(Theo giấy ủy quyền số 362/TCNS ngày 18 tháng 11 năm 2019);* có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Vũ Đức P, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Tạ Ngọc B, Luật sư Công ty luật TNHH B, đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ trụ sở: Số 2D ngõ 38/23/15 đường X, phường X, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người làm chứng*: Bà Lê Thị Hồng S, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tại đơn khởi kiện Công ty Cổ phần H (gọi tắt là Công ty) khởi kiện yêu cầu ông Vũ Đức P phải thanh toán khoản tiền ông P đã tạm ứng của Công ty trong thời gian ông P giữ chức vụ phó giám đốc Công ty phụ trách Xí nghiệp H (chi nhánh của Công ty tại Hải Phòng) cho đến nay chưa quyết toán trả lại cho Công ty số tiền 88.893.750đồng cụ thể như sau:

- Ông Vũ Đức P có tạm ứng số tiền khuyến mãi hoa hồng năm 2014 cho một số Cơ quan, đơn vị là khách hàng của Công ty và mua vật tư số tiền 36.677.900đồng.

- Ngày 16 tháng 6 năm 2011 và ngày 11 tháng 7 năm 2011 ông Vũ Đức P tạm ứng hai lần, lần 1 số tiền 25.500.000đồng và lần 2 là 3.000.000đồng. Tổng cộng 28.500.000đồng, số tiền này ông P tạm ứng để nghiệm thu - Thẩm định quyết toán công trình nhà C - Bệnh viện Việt Tiệp, Hải Phòng. Ông Vũ Đức P đã hoàn tiền tạm ứng số tiền 14.546.000 đồng. Số tiền ông P còn nợ chưa hoàn lại 13.954.000đồng.

- Ngày 04 tháng 4 năm 2016, ông Vũ Đức P tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng đi công tác thành phố Hồ Chí Minh, số tiền này ông P đã hoàn tiền tạm ứng 03 lần với tổng số tiền 2.858.500đồng. Ông P còn nợ số tiền 2.141.500đồng

- Ngày 15 tháng 6 năm 2016, ông Vũ Đức P có tạm ứng đi dự hội nghị người lao động năm 2016, số tiền 8.000.000đồng, ông P đã hoàn tiền tạm số tiền 6.879.650 đồng (trong đó có 1.879.650đồng hoàn tạm ứng của số tiền tạm ứng ngày 04 tháng 01 năm 2017). Ông P còn nợ số tiền 1.120.350đồng

- Ngày 04 tháng 01 năm 2017 và ngày 27 tháng 02 năm 2017, ông Vũ Đức P tạm ứng đi công tác thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 35.000.000 đồng. Số tiền này ông P chưa hoàn tiền tạm ứng cho Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 03 tháng 8 năm 2018, Công ty thay đổi quan điểm chỉ yêu cầu ông Vũ Đức P phải trả lại cho Công ty số tiền là 52.215.850đồng. Trong đó bao gồm khoản tiền tạm ứng nghiệm thu - Thẩm định quyết toán công trình nhà C - Bệnh viện Việt Tiệp, Hải Phòng là 13.954.000đồng; đi công tác thành phố Hồ Chí Minh năm 2016 số tiền 2.141.500 đồng; đi dự hội nghị người lao động năm 2016 số tiền 1.120.350đồng; đi công tác thành phố Hồ Chí Minh năm 2017 số tiền 35.000.000đồng.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, Công ty tiếp tục có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền ông P đã tạm ứng để nghiệm thu - Thẩm định quyết toán công trình nhà C - Bệnh viện Việt Tiệp, Hải Phòng số tiền 13.954.000đồng. Tại phiên

tòa Công ty đề nghị ông Vũ Đức P phải trả lại cho Công ty số tiền còn lại 38.261.850đồng.

Về quan điểm của ông Vũ Đức P yêu cầu Công ty phải bồi thường thiệt hại cho ông P số tiền 31.941.000đồng là khoản tiền trợ cấp thất nghiệp đáng lẽ ông P được hưởng do Công ty không ra quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động của ông P đúng với quy định pháp luật dẫn đến hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông P bị quá hạn nên không được hưởng khoản tiền trợ cấp thất nghiệp. Công ty không chấp nhận, ý kiến của Công ty như sau: Theo Bản án số 01/2018/LĐ-ST ngày 05 tháng 07 năm 2018 của Toà án nhân dân Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và Quyết định số 588/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 08 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hồng Bàng; Công ty đã có Quyết định số 202/QĐ-TCNS ngày 21 tháng 08 năm 2018 Quyết định về việc cho người lao động nghỉ việc đối với ông Vũ Đức P kể từ ngày 01 tháng11 năm 2017, trợ cấp thôi việc 25.138.000 đồng và trả sổ bảo hiểm xã hội, hồ sơ lao động cho ông P.

Ngày 01 tháng 11 năm 2017 là ngày chấm dứt quan hệ lao động giữa ông P và Công ty. Ngày 17 tháng 09 năm 2018, Xí nghiệp H nộp hồ sơ chốt Sổ bảo hiểm xã hội cho Ông P. Ngày 24 tháng 09 năm 2018, Bảo hiểm xã hội Quận Hồng Bàng trả Sổ bảo hiểm xã hội cho ông P, theo đó tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp chưa hưởng của ông P là 8 năm 10 tháng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 10 năm 2017). Ngày 25 tháng 09 năm 2018 Công ty giao sổ bảo hiểm xã hội cho Ông Vũ Đức P tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Công ty là Công ty cổ phần vốn Nhà nước chiếm chi phối (98,16%). Công ty và Chi nhánh Xí nghiệp H, nơi Ông P làm việc trước đây, tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 trong 4 điều kiện để được hưởng trợ cấp thất nghiệp thì ông P không đáp ứng được khoản 4 Điều 49 là "chưa tìm được việc làm". Vì Công ty được biết từ đầu năm 2018, ông P đã làm việc tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng. Việc ông P, đang là lãnh đạo phòng Hành chính của Văn phòng Công chứng mà " yêu cầu phải được trợ cấp thất nghiệp khi đang có việc làm" thì không đúng quy định pháp luật. Ngoài ra theo quy định tại Điều 45 Luật việc làm, khoản 6 Điều 18 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp và Điều 9 Thông tư số 28/2015/BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động Thương binh xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP thì thiệt hại về trợ cấp thất nghiệp của ông P không xảy ra vì " thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp mà người lao động chưa nhận trợ cấp thất nghiệp được bảo lưu để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần thất nghiệp tiếp theo". Do đó, trong trường hợp không kịp làm hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp thì vẫn được bảo lưu trong các lần thất nghiệp kế tiếp mà hoàn toàn không bị mất. Ông P không thể khẳng định trợ cấp thất nghiệp bị mất trong khi luật quy định được bảo lưu. Thiệt hại không xảy ra

mà ông P đòi Công ty bồi thường là không hợp lý. Công ty cũng không có bổn phận, nghĩa vụ phải bồi thường trợ cấp thất nghiệp, khi Công ty đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Việc ông P tính trợ cấp thất nghiệp 9 tháng lương là không đúng. Trường hợp, Công ty bị buộc phải bồi thường cho ông P số tiền 31.941.000đồng. Sau đó khi ông P lại nghỉ việc một lần nữa ở Công ty khác và nhận trợ cấp thất nghiệp thì ông P có hoàn trả lại số tiền Công ty đã bồi thường không? Vì thực chất trợ cấp thất nghiệp vẫn được bảo lưu ở lần nghỉ việc tại Công ty.

Vì vậy, Công ty khẳng định trợ cấp thất nghiệp của ông P không bị mất. Việc ông Vũ Đức P cho rằng Công ty đã gây thiệt hại cho ông P số tiền 31.941.000đồng vì không được hưởng trợ cấp thất nghiệp và yêu cầu Công ty phải bồi thường cho ông P số tiền trên là không có căn cứ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Vũ Đức P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Đức P trình bày:

Ngày 17 tháng 8 năm 2000, ông P và Công ty có ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc là phụ trách kế toán tại chi nhánh Hải Phòng. Sau đó ông P tiếp tục được ký một số Hợp đồng lao động mới cho đến ngày 09 tháng 2 năm 2015 Công ty có quyết định số 01/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông P làm Phó giám đốc phụ trách Xí nghiệp H chi nhánh Công ty Cổ phần H đến ngày 11 tháng 3 năm 2017 ông P có đơn xin nghỉ việc tại Công ty. Ngày 20 tháng 3 năm 2017, Công ty có quyết định số 71/QĐ-TCNS về việc miễn nhiệm cán bộ, theo đó Công ty miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc của ông P từ ngày 22 tháng 3 năm 2017. Thực hiện quyết định trên ông P đã bàn giao xong trách nhiệm Phó giám đốc xí nghiệp cho Công ty. Ngày 03 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được đơn xin chấm dứt Hợp đồng lao động của ông P gửi Công ty bắt đầu từ ngày 31 tháng 10 năm 2017 ông P chính thức nghỉ việc tại Công ty. Nhưng Công ty không ra Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động, không trả số bảo hiểm xã hội cho ông P.

Do Công ty không ra quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông P nên ông P đã có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Đề nghị Tòa án công nhận việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động của ông P là đúng luật. Ngày 01 tháng 4 năm 2018, ông P ký Hợp đồng lao động dài hạn với Văn phòng Công chứng Đất Cảng, từ tháng 6 năm 2018 ông tiếp tục nộp bảo hiểm theo quy định. Tại Bản án sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST, ngày 05 tháng 7 năm 2018 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã công nhận ông đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động tại Công ty là đúng quy định của Bộ luật Lao động. Đến ngày 21 tháng 8 năm 2018, Công ty ra Quyết định số 202/QĐ-TCNS về việc cho người lao động nghỉ việc và ông P được thôi việc kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017, sau khi nhận được Quyết định trên ông P đã nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm dịch vụ việc làm Hải Phòng, tuy nhiên đến ngày 27 tháng 9 năm 2018 Trung tâm dịch vụ việc làm Hải Phòng đã ra thông báo số 754/TB-TTDVVL thông báo cho ông P về việc không được hưởng trợ cấp thất nghiệp với lí do đã quá thời hạn nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật việc làm 2013 và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3

năm 2015 của Chính phủ. Theo Sổ bảo hiểm xã hội thời gian ông được tính hưởng trợ cấp thất nghiệp là 8 năm 10 tháng. Do vậy, ông P đề nghị Tòa án buộc Công ty phải bồi thường cho ông P khoản tiền trợ cấp thất nghiệp đáng lẽ ông được hưởng với số tiền là 9 tháng x 5.635.000 đồng x 60%.= 30.429.000đồng. Tại phiên tòa ông P thay đổi yêu cầu Công ty phải bồi thường khoản tiền trợ cấp thất nghiệp theo mức lương đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi ông nghỉ việc là 9 tháng x 5.915.000 đồng x 60%.= 31.941.000đồng.

Đối với khoản tiền tạm ứng Công ty yêu cầu ông P phải trả lại ông P có ý kiến như sau: Về số tiền ông P đã tạm ứng và số tiền ông còn chưa hoàn tạm ứng mà Công ty trình bày là đúng. Tuy nhiên ông P có quan điểm trong thời gian làm Phó giám đốc ông có chi chúc tết đối ngoại các cán bộ lãnh đạo, các phòng ban Công ty năm 2017 với số tiền là 20.000.000đồng (danh sách chúc tết cán bộ ông đã nộp cho Tòa án có chữ ký của kế toán Công ty xác nhận). Vì vậy ông P đề nghị Công ty thanh toán cho ông P số tiền trên. Số tiền còn lại là 18.261.850đồng ông P đồng ý sẽ có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty.

Đối với quan điểm của Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền ông P đã tạm ứng để chi khuyến mãi hoa hồng cho khách hàng của Công ty và khoản chi nghiệm thu - Thẩm định quyết toán công trình nhà C - Bệnh viện Việt Tiệp, Hải Phòng tổng số tiền 50.631.900đồng, ông không có ý kiến gì.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Qua quan điểm phát biểu, Kiểm sát viên đánh giá: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 32, 70, 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 274, 280, 360, 361 Bộ luật Dân sự; các điều 37, 47 Bộ luật Lao động, các điều 18, 24, 49, 50, 53 Luật Việc làm xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần H, buộc ông Vũ Đức P phải trả lại cho Công ty Cổ phần H số tiền 38.261.850đồng; Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Vũ Đức P về buộc Công ty Cổ phần H phải bồi thường khoản tiền trợ cấp thất nghiệp cho ông P số tiền bằng 5 tháng lương nhân thất nghiệp thực tế nhân với mức lương 6 tháng liền kề trước khi ông P nghỉ việc nhân với 60%. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần H đối với ông Vũ Đức P đã rút về số tiền ông P đã tạm ứng là 50.631.900đồng. Về án phí: Buộc ông Vũ Đức P phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty được chấp nhận, Công ty phải chịu số tiền án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu của ông P được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho Công ty Cổ phần H số tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty Cổ phần H có đơn khởi kiện bị đơn ông Vũ Đức P yêu cầu trả lại số tiền đã tạm ứng trong thời gian ông P làm việc tại Công ty, ông Vũ Đức P yêu cầu Công ty phải bồi thường khoản tiền trợ cấp thất nghiệp đáng lẽ ông P được hưởng. Tại thời điểm thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp đòi lại khoản tiền tạm ứng và bồi thường thiệt hại do không được hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp đòi tiền trong quan hệ lao động theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Vũ Đức P có địa chỉ tại xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần H đối với ông Vũ Đức P về khoản tiền ông P đã tạm ứng:

Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự có đủ cơ sở xác định trong thời gian ông Vũ Đức P giữ chức vụ Phó giám đốc phụ trách Xí nghiệp H chi nhánh Công ty Cổ phần H có tạm ứng tiền của Công ty để giao dịch với khách hàng của Công ty và đi công tác, dự hội nghị. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Công ty và ông Vũ Đức P đều xác nhận tính đến thời điểm hiện tại ông Vũ Đức P còn nợ lại của Công ty số tiền đã tạm ứng chưa thanh toán là 38.261.850đồng. Tuy nhiên, ông P có quan điểm trong số tiền trên năm 2017 ông có chi chúc tết đối ngoại các cán bộ lãnh đạo, các phòng ban Công ty với số tiền là 20.000.000đồng. Ông P yêu cầu Công ty thanh toán cho ông P số tiền này, sau khi trừ đi số tiền ông đã chi chúc tết ông sẽ có trách nhiệm thanh toán hoàn trả cho Công ty số tiền còn lại là 18.261.850đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông P cung cấp cho Tòa án 01 bản danh sách chi chúc tết năm 2017 có chữ ký của ông P và kế toán Lê Thị Hồng S. Theo chị S cung cấp bản danh sách trên là do chị và ông P tự lập ra, vì khoản tiền không có hóa đơn theo sự chỉ đạo của ông P, chị đã làm đề nghị tạm ứng đi công tác thành phố Hồ Chí Minh (phiếu chi số 04 ngày 04 tháng 01 năm 2017) số tiền 30.000.000đồng, trong đó có 10.000.000đồng là tiền ăn, nghỉ đi lại trong thời gian ông P đi công tác. Sau đó ông P là người trực tiếp đến phòng thủ quỹ nhận tiền và quản lý sử dụng số tiền trên. Tại phiên tòa ông P và người bảo vệ quyền và lợi ích của ông P cho rằng khoản tiền chi chúc tết các lãnh đạo Công ty là khoản chi thực tế và theo thông lệ của Công ty hàng năm nên Công ty phải thanh toán lại cho ông số tiền nói trên. Xác minh một số người có tên trong danh sách chi chúc tết ông P cung cấp những người này đều có lời khai không nhận khoản tiền ông P đã khai. Ngoài lời trình bày ông P không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Như vậy, quan điểm của ông P về việc yêu cầu Công ty phải thanh toán lại cho ông P số tiền 20.000.000đồng

nêu trên không có cở sở chấp nhận. Vì vậy, buộc ông Vũ Đức P phải trả lại cho Công ty số tiền ông P đã tạm ứng trong thời gian ông P làm việc tại Công ty là 38.261.850đồng.

[4] Xét yêu cầu phản tố đòi bồi thường khoản tiền trợ cấp thất nghiệp của ông Vũ Đức P đối với Công ty Cổ phần H: Tài liệu hồ sơ xác định, ngày 17 tháng 8 năm 2000 ông P và Công ty đã ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc là phụ trách kế toán chi nhánh Công ty tại Hải Phòng. Sau đó ông tiếp tục ký thêm một số Hợp đồng lao động mới cho đến ngày 09 tháng 2 năm 2015 Công ty có Quyết định số 01/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông làm Phó giám đốc phụ trách Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Hải Phòng chi nhánh của Công ty. Ngày 20 tháng 3 năm 2017 Công ty có Quyết định số 71/QĐ-TCNS về việc miễn nhiệm cán bộ, theo đó Công ty miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc của ông P từ ngày 22 tháng 3 năm 2017. Ngày 03 tháng 8 năm 2017 Công ty đã nhận được đơn xin chấm dứt Hợp đồng lao động của ông P, từ ngày 31 tháng 10 năm 2017 ông P chính thức nghỉ việc tại Công ty. Như vậy ông P đã thực hiện việc thông báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 45 ngày theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Lao động.

Do Công ty không ra Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông P nên ông P đã có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Tại Bản án sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2018 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã công nhận ông P đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động tại Công ty đúng quy định của Bộ luật Lao động. Ngày 21 tháng 8 năm 2018, Công ty ra Quyết định 202/QĐ-TCNS về việc cho người lao động nghỉ việc và thời điểm cho ông P được thôi việc kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017.

Sau khi nhận được Quyết định trên, ngày 27 tháng 9 năm 2018 ông P đã nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm dịch vụ việc làm Hải Phòng, cùng ngày Trung tâm dịch vụ việc làm Hải Phòng đã ra thông báo số 754/TB-TTDVVL thông báo cho ông P do hồ sơ của ông P đã quá thời hạn nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Việc làm 2013 và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ nên không được hưởng trợ cấp thất nghiệp. Từ các phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy việc ông P chấm dứt Hợp đồng lao động tại Công ty là đúng quy định của pháp luật. Sau khi ông P chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, Công ty không ban hành Quyết định cho người lao động nghỉ việc, không trả sổ bảo hiểm xã hội để ông P nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm dịch vụ việc làm đã xâm phạm đến quyền lợi của ông P nên cần buộc Công ty phải bồi thường cho ông P khoản trợ cấp thất nghiệp ông P được hưởng theo quy định của Luật việc làm.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P và người đại diện hợp pháp của ông P đề nghị Tòa án buộc Công ty phải bồi thường cho ông P khoản tiền trợ cấp thất nghiệp đáng lẽ ông P được hưởng là 9 tháng x 5.635.000đồng x 60%.= 30.429.000 đồng. Tại phiên tòa ông P bổ sung yêu cầu Công ty phải bồi thường khoản tiền trợ cấp thất nghiệp theo mức lương đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi ông nghỉ việc

là 9 tháng x 5.915.000 đồng x 60%.= 31.941.000đồng. Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập mức lương đóng bảo hiểm xã hội 6 tháng liền kề trước khi ông P nghỉ việc là 5.915.000đồng, yêu cầu của ông P phù hợp với quy định của Luật Việc làm nên chấp nhận.

Căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội ông P cung cấp thời gian ông P được tính hưởng trợ cấp thất nghiệp là 8 năm 10 tháng. Theo Quyết định số 202/QĐ-TCNS ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc cho người lao động nghỉ việc Công ty đã chấp thuận cho ông P được thôi việc kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017. Như vậy, kể từ 01 tháng 11 năm 2017 ông P không có việc làm cho đến ngày 01 tháng 4 năm 2018 ông P đã ký Hợp đồng lao động dài hạn với Văn phòng công chứng Đất Cảng. Như vậy, thời gian thực tế ông P bị thất nghiệp là 5 tháng nên chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông P. Căn cứ vào các điều 50, 53 Luật Việc làm; Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Việc làm số tiền Công ty phải bồi thường cho ông P là 5 tháng x 5.915.000đồng x 60% = 17.745.000đồng.

Việc Công ty có quan điểm Công ty không có bổn phận, nghĩa vụ phải bồi thường khoản tiền trợ cấp thất nghiệp, khi Công ty đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và thiệt hại về trợ cấp thất nghiệp của ông P không xảy ra vì số tiền bảo hiểm thất nghiệp ông P chưa được hưởng vẫn được bảo lưu trong các lần thất nghiệp kế tiếp mà không bị mất đi nên không chấp nhận yêu cầu của ông P không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy số tiền ông P còn phải thanh toán cho Công ty là 38.261.850đồng - 17.745.000đồng = 20.516.850đồng.

[5] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Vũ Đức P về số tiền ông P đã tạm ứng 50.631.900đồng. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với số tiền trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Công ty đã rút theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Ông Vũ Đức P phải nộp án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty được Tòa án chấp nhận. Công ty phải nộp số tiền án phí đối với khoản tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp ông P được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho Công ty Cổ phần H số tiền tạm ứng án phí dân sự còn lại Công ty đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 32, 35, 39, 147; các điều 227, 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 274, 280, 360, 361 Bộ luật Dân sự; các điều 37, 47 Bộ luật Lao động; các điều 49, 50, 53 Luật Việc làm; các điều 16, 17, 21 Nghị định số

28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Việc làm; Điều 6, Khoản 1 Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần H đối với ông Vũ Đức P. Buộc ông Vũ Đức P phải trả lại cho Công ty Cổ phần H số tiền tạm ứng là 38.261.850đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Vũ Đức P, buộc Công ty Cổ phần H phải bồi thường khoản tiền trợ cấp thất nghiệp cho Vũ Đức P số tiền 17.745.000đồng.

Như vậy số tiền ông Vũ Đức P còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần H là 38.261.850đồng - 17.745.000đồng = 20.516.850đồng.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần H đối với ông Vũ Đức P đã rút về số tiền ông P tạm ứng là 50.631.900đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hánh án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Công ty Cổ phần H phải nộp án phí lao động sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước số tiền 532.350đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp 2.222.000đồng. Trả lại cho Công ty Cổ phần H số tiền 1.689.650đồng tạm ứng án phí Công ty đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (Biên lai thu tiền số 0007706 ngày 15 tháng 3 năm 2018).

Ông Vũ Đức P phải nộp số tiền 1.147.855đồng án phí lao động sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo Bản án: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Thị Thu Hương